

Bản án số: 112/2021/DS-PT

Ngày: 30/3/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Trương Chí Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 12/01/2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản do bản án dân sự sơ thẩm số 198/2020/DS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, TP Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2021/QĐXX-PT ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T.T.H, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Thôn Đoài, xã V.H, huyện Đ.A, Hà Nội - Có mặt.

Bị đơn: Bà H.T.C, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Thôn Đông, xã V.H, huyện Đ.A, Hà Nội - Có mặt.

Người kháng cáo: Bà H.T.C (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, Nguyên đơn là bà T.T.H trình bày:

Do ông N.V.C giới thiệu, ngày 03/4/2016 âm lịch (tức ngày 09/5/2016 dương lịch) bà có cho bà H.T.C vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng với lãi suất 5.000.000đ/tháng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền có chữ ký của hai bên và người làm chứng. Hai tháng sau khi vay số tiền này, bà Ctiếp tục vay bà 20.000.000 đồng nhưng khoản vay này không viết giấy tờ mà chỉ nói miệng với nhau, lãi suất vẫn thỏa thuận 2%/tháng, có bà T là người làm chứng. Tổng số tiền bà đã cho bà C vay là 270.000.000 đồng.

Sau khi vay, bà Ccó trả bà được 04 tháng tiền lãi như đã thỏa thuận nhưng các bên không ghi sổ sách, không có người làm chứng, trong đó có 5.000.000 đồng do bà N.T.T thu tiền “họ” của bà C chuyển cho bà vì tháng 3/2019 bà và bà Ccó tham gia chơi “họ” chỗ bà T. Nay bà C nói số tiền này trả vào tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và đã trả bà 05 tháng tiền lãi, bà cũng đồng ý. Bà T thường thu tiền “họ” từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng nên bà xác định ngày bà Ctrả bà 5.000.000 đồng trừ vào tiền nợ gốc là ngày 10/3/2019.

Như vậy số tiền gốc bà C còn nợ bà là 265.000.000 đồng, nay bà khởi kiện yêu cầu bà C trả bà số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 09/11/2016 với mức lãi suất là 7,8%/năm. Số tiền bà cho bà Cvay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng bà nên bà đề nghị Tòa án không đưa chồng bà tham gia tố tụng. Ngoài ra bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà H.T.C trình bày:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/4 (âm lịch) tức ngày 09/5/2016 dương lịch mà bà H xuất trình có nội dung bà ký nhận vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng. Thực ra không phải bà có nhu cầu vay tiền của bà H mà do chị N.T.H, sinh năm 1988 là con dâu bà vay nợ ông C nhưng chưa trả được nên ông C có giới thiệu cho bà gặp bà H để vay tiền trả ông C. Ông C bảo bà đứng ra ký nhận nợ vì nếu chị Hđi vay thì không ai cho vay. Ông C còn hứa với bà là cứ vay tạm 04 tháng, nếu sau đó chưa trả được thì ông C lại cho vay. Do cả tin nên bà đã đến gặp bà H để vay 250.000.000 đồng. Sau khi bà H giao tiền cho bà thì bà cũng trả luôn cho ông C. Hợp đồng vay tiền do bà viết và ký, trong Hợp đồng không ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận miệng với nhau trả lãi 5.000.000 đồng/tháng. Chữ viết “mỗi tháng trả năm triệu đồng” ở phần dưới chữ ký của bà trong Hợp đồng vay tiền là do bà H viết, bà đã trả lãi cho bà H được 05 tháng, sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không trả tiếp được.

Sau khi vay số tiền nêu trên được 02 tháng, bà có vay tiếp của bà H 20.000.000 đồng nhưng lần này hai bên không viết giấy tờ, lãi vẫn thỏa thuận là 2%/tháng. Trong số tiền vay 20.000.000 đồng bà đã trả bà H một lần 5.000.000 đồng do bà nộp tiền “họ” cho bà T và bà T lấy ra để trả bà H nên bà thống nhất xác định ngày trả bà H 5.000.000 đồng này là ngày 10/3/2019.

Sau khi vay tiền của bà H, bà trực tiếp trả bà H 04 tháng tiền lãi, chị H (con dâu bà) trả 01 tháng nhưng cụ thể chị H trả vào ngày nào và bao nhiêu tiền thì bà không biết. Nay bà xác nhận còn nợ bà H 265.000.000 đồng tiền gốc nhưng thực tế số tiền này do con dâu bà sử dụng và bà H cũng biết vì trước khi đi Nhật, vào tháng 10 năm 2017 chị H và bà H đã gặp nhau tại nhà bà, chị H có hứa với bà H là chị đi Nhật làm ăn 01 năm sẽ gửi tiền về trả nợ bà H nhưng sau đó chị H không gửi tiền về nên bà chưa có để trả. Số tiền bà vay của bà H không liên quan gì đến chồng bà là ông N.V.T. Việc bà, bà H và chị H có thỏa thuận về số tiền bà nhận vay của bà H sẽ để chị H đi Nhật làm ăn trả dần các bên chỉ nói miệng nên bà không có giấy tờ gì để nộp Tòa án.

Nay bà H kiện đòi nợ, bà sẽ có trách nhiệm đốc thúc chị H, khi chị H gửi tiền về bà sẽ trả ngay cho bà H, còn hiện giờ bà không có tiền để trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 198/2020/DS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.T.H đối với bà H.T.C. Buộc bà H.T.C có trách nhiệm thanh toán cho bà T.T.H số tiền bà C đã vay nợ bà H theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 03/4/2016 (âm lịch) tức ngày 09/5/2016 dương lịch và số tiền vay không có giấy nhận nợ, tổng cộng là 348.001.170 đồng (*ba trăm bốn mươi tám triệu, không trăm linh một nghìn, một trăm bảy mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc là 265.000.000 đồng, nợ lãi là 83.001.170 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian phải thi hành theo mức lãi suất 7,8%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11/11/2020 bà H.T.C nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên chị N.T.H (con dâu bà) là người trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bà C (bị đơn) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Do năm 2017 bà H đã đồng ý để chị H(con dâu bà) là người trả nợ, bà không sử dụng số tiền đã vay của bà H nên bà đề nghị HĐXX tuyên chị H là người phải trả số nợ cho bà H.

- Bà H (nguyên đơn) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Bà không biết chị H là ai, bà C là người vay tiền của bà và bà giao tiền cho bà C nên bà C phải có trách nhiệm trả nợ cho bà. Bà đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án và đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhận xét kháng cáo của bà C là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

1/ Về tố tụng: Ngày 28/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Đ.A xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11/11/2020 bà H.T.C nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

2/ Về nội dung: Xét kháng cáo của bà H.T.C đề nghị Tòa án tuyên buộc chị N.T.H (con dâu bà C) phải trả tiền cho bà H, thấy:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/4/2016 âm lịch (tức ngày 09/5/2016 dương lịch) có nội dung như sau: *Tôi là H.T.C ở khu Đông, D.N, VH vay của chị T.T.H ở khu Đoài, D.N, VH số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) kỳ hạn 04 tháng...*

Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đều thừa nhận: Trong Hợp đồng vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận trả lãi 5.000.000 đồng/tháng (tức 2%/tháng). Bà C xác nhận Hợp đồng vay tiền do bà là người viết và ký tên tại mục “Người vay”, khi bà H giao tiền cho bà có mặt người làm chứng là ông N.V.C, không có mặt chị H (con dâu bà).

Hai tháng sau khi vay số tiền nêu trên, bà C còn vay bà H 20.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, số tiền này hai bên không viết giấy tờ nhưng đã được bà C thừa nhận.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và của những người làm chứng, đồng thời xem xét các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX đủ căn cứ xác định: Ngày 09/5/2016 bà C vay bà H số tiền 250.000.000 đồng, tháng 7/2016 bà C vay bà H 20.000.000 đồng, tổng số tiền bà H cho bà C vay là 170.000.000 đồng. Ngày 10/3/2019, bà C đã trả bà H 5.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, số tiền gốc bà C còn nợ bà H là 265.000.000 đồng.

Về ý kiến của bà C cho rằng: ngày 09/5/2016, bà vay số tiền 250.000.000 đồng của bà H là để cho chị H (con dâu bà) trả nợ ông C, bà không sử dụng số tiền này nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà H, HĐXX thấy:

Bà H không cho chị H vay tiền, chị H không giao dịch và cũng không nhận tiền của bà H. Tại Tòa án, bà C xác nhận bà là người giao dịch với bà H để thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất. Bà C cũng đồng thời là người nhận tiền và viết giấy vay tiền nên bà C phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với bà H, kháng cáo của bà C đề nghị Tòa án tuyên chị H là người trả nợ cho bà C là không có căn cứ. Trường hợp bà C sử dụng số tiền vay của bà H để cho con dâu bà trả nợ như bà đã khai thì quyền và nghĩa vụ dân sự giữa bà C và con dâu bà C sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bên có đơn yêu cầu.

Về số tiền 20.000.000 đồng bà C vay của bà H vào tháng 7/2016, bà C khai: Do đến lượt bà H nhận tiền “họ”, chị H tham gia chơi nhưng chưa có tiền đóng nên bà nhận nợ thay cho chị H. HĐXX thấy:

Qua xác minh thu thập chứng cứ, bà Ngô Thị Thịnh (tức Thảo) xác nhận như sau: *bà là người cầm “họ” cho nhóm trong đó có bà H và bà C tham gia. Bà C là người đóng tiền “họ” cho bà, bà chưa gặp chị H bao giờ. Đến vòng cuối cùng bà H lấy tiền thì bà C không có tiền “họ” nên bà C có nhận nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng nhưng không lập thành văn bản...*

Quá trình tham gia tố tụng, bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng này là nhận thay cho con dâu bà. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến nêu trên của bà C.

Về tiền lãi: Các bên cùng thống nhất: Sau khi vay, bà C đã trả bà H 05 tháng tiền lãi, mỗi tháng 5.000.000đ. Như vậy, các bên thỏa thuận và thực hiện trả lãi 2%/tháng

của số tiền vay là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (không vượt quá 20%/năm). Tuy nhiên, bà C mới trả lãi được 05 tháng (tháng 6,7,8,9,10 năm 2016), từ tháng 11/2016 đến nay bà C không trả tiền lãi là vi phạm nghĩa vụ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà H. Nay tại Tòa án, bà H đã tự nguyện điều chỉnh, yêu cầu bà C trả lãi của số tiền vay với mức lãi suất 7,8%/năm là phù hợp pháp luật.

Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà C phải trả bà H số tiền nợ gốc là 265.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 83.001.170 đồng, tổng cộng: 348.001.170 đồng là có căn cứ và đúng quy định nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà C.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và kháng cáo của bà C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà C sinh năm 1951 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho bà C.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 198/2020/DS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, TP Hà Nội.

Căn cứ: Các điều 293, 309, 313 Bộ Luật tố tụng dân sự; Các điều 275, 280, 357, 463, 466, 468, điểm b khoản 1 điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.T.H đối với bà H.T.C về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà H.T.C có trách nhiệm thanh toán trả bà T.T.H số tiền vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 09/5/2016 và số tiền vay không viết giấy tờ, tổng cộng là 348.001.170 đồng (*ba trăm bốn mươi tám triệu, không trăm linh một nghìn, một trăm bảy mươi đồng*), trong đó bao gồm: tiền nợ gốc là 265.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 83.001.170 đồng.

2. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H.T.C còn tiếp tục phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 7,8%/1năm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.T.C.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/3/2021.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Đ.A;
- THADS huyện Đ.A;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng